| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST<br>Ngày 16-9-2019<br>V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hà Văn Châu

Ông Trần Văn Phơ

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Thuận là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa:*** Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Ngọc T; Địa chỉ: đường P, khóm E, phường L, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Phước Đ; Địa chỉ: đường L, khóm D, phường K, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 05/7/2019 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Dương Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Ngọc T và ông Nguyễn Phước Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2010, tại UBND phường L, quận C, thành phố Cần Thơ. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

ông Đ không có trách nhiệm với gia đình. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Ông bà có 01 người con chung tên Nguyễn Thục Đ1; sinh ngày 10/11/2010. Sau khi ly hôn, bà Dương Ngọc T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên tên Nguyễn Thục Đ1 cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi, hiện cháu Đ1 do bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Ngọc T yêu cầu ông Nguyễn Phước Đ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thục Đ1 mỗi tháng 750.000 đồng cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn Phước Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông Đ thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian ông bà chung sống, đăng ký kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn. Theo ông Đ nguyên nhân mâu thuẫn do những bất đồng nhỏ trong cuộc sống gia đình, vợ chồng hay có lời qua tiếng lại, có lần ông Đ có rượu trong người nên nóng giận nói với bà T nếu không ở được thì dọn ra ngoài ở, sau đó thì bà T dọn ra ngoài thuê nhà trọ ở từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay. Trong thời gian bà T dọn ra ngoài ở ông Đ vẫn thường lui tới thăm con và động viên bà T trở về nhưng bà T không đồng ý. Nay ông Đ nhận thấy ông vẫn còn thương yêu vợ con và muốn con có một gia đình hoàn chỉnh nên ông Đ không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T.

Về con chung: Vợ chồng ông bà có 01 người con chung tên Nguyễn Thục Đ1; sinh ngày 10/11/2010. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ông bà ly hôn thì ông Đ đồng ý giao cháu Nguyễn Thục Đ1 cho bà Dương Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi, hiện cháu Đ1 do bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ông Nguyễn Phước Đ đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thục Đ1 mỗi tháng 750.000 đồng.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của kiểm sát viên:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Dương Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Phước Đ; Về con chung, giao cháu Nguyễn Thục Đ1, sinh ngày 10/11/2010 cho bà Dương Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông Nguyễn Phước Đ đóng góp cho bà Dương Ngọc T số tiền 750.000 đồng để cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thục Đ1 cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và nợ chung bà T và ông Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

Theo đơn khởi kiện thì bà Dương Ngọc T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Phước Đ và yêu cầu giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Phước Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Ngọc T và ông Nguyễn Phước Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 19/9/2010, tại UBND phường L, quận C, thành phố Cần Thơ nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cự cải với nhau. Mặc dù Tòa án tiến hành hòa giải hai lần nhưng bà T vẫn cương quyết xin ly hôn còn ông Đ xin được đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ đã đến mức trầm trọng, bà T đã dọn ra ngoài thuê nhà trọ ở từ tháng 4 năm 2018 cho đến nay vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Dương Ngọc T cho ông được ly hôn với ông Nguyễn Phước Đ.

Về con chung: Bà Dương Ngọc T và ông Nguyễn Phước Đ trình bày, trong thời gian chung sống, ông bà ông bà có 01 người con chung tên Nguyễn Thục Đ1; sinh ngày 10/11/2010. Nay bà Dương Ngọc T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng

cháu Nguyễn Thục Đ1 cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi. Tại các buổi hòa giải của Tòa án (bút lục số 41, 50) ông Đ cũng đồng ý giao cháu Nguyễn Thục Đ1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ông bà sống ly thân cho đến nay, cháu Đ1 do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống của cháu đang ổn định, đồng thời tại biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Thục Đ1 (Bút lục số 25) thì cháu Đ1 có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T giao cháu Nguyễn Thục Đ1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Dương Ngọc T yêu cầu ông Nguyễn Phước Đ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thục Đ1 số tiền 750.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi. Tại các buổi hòa giải của Tòa án (bút lục số 41, 50) ông Đ cũng đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Đ1 mỗi tháng 750.000 đồng. Xét thấy mức cấp dưỡng nêu trên phù hợp với thực tế và không trái quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông Nguyễn Phước Đ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thục Đ1 số tiền 750.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày 16/9/2019.

Ông Nguyễn Phước Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thục Đ1 mà không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Bà Dương Ngọc T và ông Nguyễn Phước Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Dương Ngọc T và ông Nguyễn Phước Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét

Về án phí: Bà Dương Ngọc T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng; Ông Nguyễn Phước Đ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Ngọc T được ly hôn ông Nguyễn Phước

Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thục Đ1, sinh ngày 10/11/2010 cho bà Dương Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ1 đủ 18 tuổi, hiện cháu Đ1 do bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hàng tháng ông Nguyễn Phước Đ có nghĩa vụ đóng góp cho bà Dương Ngọc T số tiền 750.000 đồng để cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thục Đ1. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 16/9/2019 cho đến khi cháu Nguyễn Thục Đ1 đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Phước Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Thục Đ1 mà không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Bà Dương Ngọc T và ông Nguyễn Phước Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Dương Ngọc T và ông Nguyễn Phước Đ trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét

5. Về án phí: Bà Dương Ngọc T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007630 ngày 10/7/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng.

Án phí cấp dưỡng nuôi con ông Nguyễn Phước Đ phải chịu số tiền 300.000 đồng.

Bà Dương Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Phước Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- VKSND - TPST;*
*- TAND tỉnh Sóc Trăng;*
*- Thi hành án DS - TPST;*
*- Lưu HS.*

**Nguyễn Thị Thúy Uyên**